

Đề bài:

Chọn và phân tích  
một hoặc một số tác  
phẩm tiêu biểu để  
làm nổi bật cảm  
hứng nhân văn,  
nhân đạo của văn  
học Việt Nam từ  
nửa cuối thế kỷ  
XVII đến nửa đầu  
thế kỷ XVIII.

## Bài làm

Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XVIII – nửa đầu thế kỷ XIX gắn liền với ý thức về quyền sống được thức tỉnh. Vì vậy cảm hứng nhân văn, nhân đạo được thể hiện rất sâu sắc, đa dạng và trở thành cảm hứng chủ đạo trong những tác phẩm ở giai đoạn này, một giai đoạn văn học lớn và phát triển rực rỡ với nhiều kiệt tác.

Tác phẩm là tiếng nói của trái tim, là những rung động tinh tế của tâm hồn. Qua những áng thơ văn, các tác giả bộc lộ trọn vẹn và chân thành nhất sự đồng cảm, thông cảm của mình đối với những số phận, những kiếp người. Họ đã để lại những câu chữ thấm đượm tinh thần nhân đạo và đánh thức tình yêu thương đồng loại trong mỗi con người chúng ta.

*Thương thay cũng một kiếp người*

*Hại thay mang lấy sắc tài làm chi.*

(*Truyện Kiều* – Nguyễn Du)

Đứng trước số phận lưu lạc, “hồng nhan bạc mệnh” của Thúy Kiều, Nguyễn Du đã nói lên những lời cảm thương cho bao người phụ nữ cùng cảnh ngộ. Ông tiếc cho cái nhan sắc “một hai nghiêng nước nghiêng thành” chỉ đem đến cho phụ nữ tai họa và bất hạnh. Ông thương cho những số phận truân chuyên, lênh đênh và đau khổ. Nguyễn Du không thể làm gì hơn là chia sẻ nỗi buồn của những “nàng Kiều” ấy với đi. Chính tấm lòng nhân ái đáng trân trọng ấy đã kiếm những câu thơ của ông vẫn còn nguyên giá trị qua năm tháng. Cũng với tấm lòng cao đẹp ấy, Hồ Xuân Hương đã viết:

*Có đấm ăn xôi, xôi lại hãm*

*Cầm bằng làm mướn, mướn không công.*

(*Làm lẽ* – Hồ Xuân Hương)

Đó là lời của Bà chúa thơ Nôm nhưng cũng là lời than thân trách phận của những người làm thiếp, những con người đã chịu đựng nhiều thiệt thòi để hưởng chút duyên thừa. Nhưng ngay cái tình nghĩa vợ chồng ấy cũng hẩm hiu, lạt lẽo để rồi họ trở thành những con ở không công. Bà dùng ngòi bút ngang ngạnh rất Hồ Xuân Hương, vừa đậm chất tâm sự để tạo nên những câu thơ thấm đẫm nước mắt của sự tủi thân, của nỗi oán hờn giấu kín trong tâm khảm.

Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ thứ XVIII – nửa đầu thế kỷ XIX đã ca ngợi, khẳng định vẻ đẹp đáng yêu của con người Việt Nam, không chỉ về hình thức mà còn ở tâm hồn. Chính những phẩm chất cao quý đã tôn thêm vẻ đẹp hình thể:

*Làn thu thủy, nét xuân sơn*

*Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.*

.....

*Thông minh vốn sẵn tính trời  
Pha nghề thi họa đã mùi ca ngâm.*

*(Truyện Kiều – Nguyễn Du)*

Vẻ đẹp sắc sảo, đảm thắm, mượt mà kết hợp với tài năng, sự thông minh đã đem đến cho Kiều nét hoàn hảo mà mọi tác phẩm văn chương muốn vươn tới. Thêm vào đó, khiêu đánh đàn cũng cho thấy nàng có một tâm hồn nhạy cảm, dễ xúc động và nhân hậu. Không quý trọng, không ưu ái, không yêu thương, không có tấm lòng, liệu Nguyễn Du có thể vẽ Kiều đẹp như thế, giúp nàng sống mãi trong lòng người đọc? Kiều sống với vẻ đẹp kiêu sa của trời đất, thuần hậu của Việt Nam, sống với một tâm hồn trong trắng và cao đẹp.

Từ những cảm nhận sâu xa về vẻ đẹp, về số phận, về cuộc đời con người của tác giả với ngòi bút giàu tính nhân văn đã thừa nhận và ca ngợi những khát vọng chính đáng cũng như các nhu cầu tự nhiên của con người. Họ đã góp phần giải thoát con người khỏi sự trói buộc của những xiềng xích trong xã hội phong kiến:

*Xăm xắm băng lối vườn khuya một mình.*

Trong *Truyện Kiều*, Nguyễn Du đã can đảm vượt qua quan niệm lễ giáo khắc nghiệt để lột tả Kiều trong tình yêu mãnh liệt. Qua đó ông muốn khẳng định khát vọng tự do yêu thương của cả thế hệ nam thanh nữ tú lúc bấy giờ. Bỏ lại sau lưng những định kiến đã bám rễ trong xã hội Việt Nam từ lâu, ông viết về Kiều cũng là viết cho ước mơ, khát vọng đáng trân trọng của những đôi lứa yêu nhau:

*Tài tử văn nhân ai đó tá*

*Thân này đây đã chịu già tom.*

*(Tự tình I – Hồ Xuân Hương)*

Đặt những câu thơ trên vào xã hội phong kiến đầy khuôn khổ đương thời, ta mới thấy được nét đáng quý ở một Hồ Xuân Hương của sự đột phá, sự khẳng định mình và của những bước đi táo bạo. Việc bà muốn vượt lên trên số phận, muốn thoát ra khỏi vòng cô đơn để đi tìm hạnh phúc cho chính mình như một “đầu ngoặc” của văn học: cái tôi đã bắt đầu cựa quậy. Khao khát và là một nhu cầu tự nhiên về thiên chức làm vợ, làm mẹ của người phụ nữ.

Biết yêu thương đồng nghĩa với biết căm ghét. Vì vậy, nhân danh con người và vì con người, các tác giả đã hướng ngòi bút của mình vào những lễ giáo, những thế lực đã chà đạp lên nhân phẩm và quyền sống của con người để tố cáo, lên án và vạch mặt chúng:

*Dấu binh lửa nước non như cũ*

*Kẻ hành nhân nào đó chạnh thương*

*Phận trai già ruổi chiến trường*

*Chàng Siêu tóc đã điểm sương mới về.*

Là một tác phẩm tiêu biểu cho dòng văn học chống chiến tranh, *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn – Đoàn Thị Điểm là cái nhìn đầy đủ nhất về tội ác của các cuộc chiến tranh phi nghĩa. Chính chiến tranh đã làm tan nát bao gia đình hạnh phúc, làm vợ xa chồng, làm con mất cha. Những cuộc chiến phi nghĩa qua đi, chỉ còn lại những năm mồ vô danh, những con người tàn tật suốt đời và những nỗi đau khổ của người thân. Những thế lực tàn bạo đã cướp đi cuộc đời, tuổi xuân, hạnh phúc của con người chỉ để tranh giành quyền lực. Căm thù chiến tranh nói riêng và những kẻ cướp đi quyền sống của bao người nói chung cũng là một phương thức thể hiện tình thương yêu và trân trọng với con người.

Ác độc hơn, những thế lực tàn bạo đàn áp con người bằng sự hành hạ về tinh thần với những cuộc tra tấn dài đằng dặc:

*Thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần*

*(Truyện Kiều – Nguyễn Du)*

Trong mười lăm năm đời mình, Kiều chịu nhiều đau khổ và nhục nhã. Nguyễn Du đã vạch ra những xấu xa của xã hội phong kiến, những tàn nhẫn của số phận lưu lạc ấy. Xã hội Kiều sống là xã hội của lầu xanh nhan nhản, nơi mà công bằng được đổi bằng tiền, quyền lực trong tay kẻ giàu có... Sống trong xã hội ghê tởm ấy, những số phận như Kiều không phải là ít. Kết thúc của cuộc đời họ có thể là những cái chết không có sự khốc thương của người thân, những năm mồ nơi đất khách quê người, cũng có thể là cái chết mòn mỏi trong tâm hồn cô độc, bị nỗi buồn gặm nhấm và loại ra ngoài xã hội. Không phải ai cũng có được cái kết thúc may mắn như Kiều.

Những tác phẩm của những cảm hứng nhân văn, nhân đạo giai đoạn nửa cuối thế kỷ XVIII – nửa đầu thế kỷ XIX là đóng góp quý giá cho nền văn học dân tộc. Nó đã thực hiện được một phần nhiệm vụ muôn đời của văn học: cải tạo xã hội và đem đến niềm vui sống, những ước mơ khát vọng tốt đẹp của con người trong xã hội đả loạn li, xấu xa lúc bấy giờ.

Lê Nila Lớp 11 Văn trường Phổ thông Năng khiếu

Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh